

BÀI 17 MỘT SỐ GIUN ĐỐT KHÁC VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA NGÀNH GIUN ĐỐT

I – MỤC TIÊU

- Hiểu được đặc điểm cấu tạo và lối sống của một số loài giun đốt thường gặp như : giun đỏ, đỉa, rươi.
- Nhận biết được đặc điểm chung của ngành Giun đốt và vai trò thực tiễn của chúng.

II – THÔNG TIN BỔ SUNG

- Ngành giun đốt được chia ra thành 3 lớp quan trọng : lớp Giun nhiều tơ, đại diện là rươi, bông thùa, rộm ; lớp Giun ít tơ, đại diện là giun đất, giun đỏ và lớp Đỉa đại diện là đỉa, vắt. Hình 17.1, 2, 3 là 3 đại diện của 3 lớp khác nhau của Giun đốt. Riêng đỉa do thích nghi với bán kí sinh nên có nhiều thay đổi về cấu tạo và lối sống như : các sợi tơ tiêu giảm, ống tiêu hoá phát triển các manh

tràng để chứa máu, giác bám phát triển để bám vào vật chủ... Nhưng đỉa vẫn mang đầy đủ các đặc điểm chung của Giun đốt.

III – PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ DẠY HỌC CẨN THIẾT

- Tranh vẽ về : giun đốt, đỉa.
- Mẫu vật sống, mẫu ngâm, tranh ảnh (nếu có).

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. Gợi ý lời giới thiệu

Trong 3 ngành giun (Giun dẹp, Giun tròn, Giun đốt) thì Giun đốt có nhiều đại diện sống tự do hơn cả. Nhờ đặc điểm cơ thể phân đốt, xuất hiện chi bên, thần kinh, giác quan phát triển, nên giun đốt sống phổ biến ở biển, ao, hồ, sông... một số kí sinh.

2. Các hoạt động

– *Hoạt động 1 : Một số giun đốt thường gặp*

Thực chất hoạt động 1 là tìm hiểu sự đa dạng của giun đốt. GV cho HS nghiên cứu hình 17.1, 2, 3 với các chú thích kèm theo và liên hệ đến thực tế, để điền vào bảng 1. Bảng điền đúng như sau :

STT	Đại diện	Đa dạng	Môi trường sống	Lối sống
1	Giun đất		Đất ẩm	Tự do, chui rúc
2	Đỉa		Nước ngọt	Kí sinh ngoài
3	Rươi		Nước lợ	Tự do
4	Giun đốt		Nước ngọt (cống rãnh)	Cố định
5			
6			

- **Hoạt động 2 : Tìm hiểu đặc điểm chung của Giun đốt**

GV làm rõ thêm cho HS hiểu cấu tạo của chi bên và biến đổi của chi bên thích nghi với các lối sống khác nhau. Từ đó cho HS đánh dấu vào bảng 2 về đặc điểm chung của Giun đốt. Kết quả đúng như sau :

Bảng 2. Đặc điểm chung của ngành Giun đốt

STT	Đặc điểm	Đại diện	Giun đất	Giun đỏ	Đỉa	Rươi
1	Cơ thể phân đốt	✓	✓	✓	✓	✓
2	Có thể xoang (khoang cơ thể chính thức)	✓	✓	✓	✓	✓
3	Có hệ tuần hoàn, máu thường đỏ	✓	✓	✓	✓	✓
4	Hệ thần kinh và giác quan phát triển	✓			✓	✓
5	Di chuyển nhờ chi bên, tơ hoặc thành cơ thể	✓	✓	✓	✓	✓
6	Ống tiêu hoá phân hoá	✓	✓			✓
7	Hô hấp qua da hay bằng mang	✓	✓	✓	✓	✓

Cuối cùng GV cho HS dựa vào kết quả bảng 2 để rút ra các đặc điểm chung của Giun đốt. Từ đó tìm ra tên các loài làm ví dụ để diễn vào chỗ trống cho phù hợp. Đáp án như sau :

- Làm thức ăn cho người : rươi, sa sùng, bông thùa...
- Làm thức ăn cho động vật khác : giun đất, giun đỏ, giun ít tơ nước ngọt...
- Làm cho đất trồng xốp, thoáng : các loài giun đất...
- Làm màu mỡ cho đất trồng : các loài giun đất...
- Làm thức ăn cho cá : rươi, giun ít tơ nước ngọt, sa sùng, rộm...
- Có hại cho động vật và người : các loài đỉa, vắt...

V – KẾT LUẬN

Kết quả điền bảng 2 là nội dung hướng tới ghi nhớ và kết luận.

VI – ĐÁP ÁN CÂU HỎI CUỐI BÀI

Câu 1 : HS có thể liên hệ với thực tế địa phương để kể thêm tên các loài giun đốt khác như : vắt, rươi, bông thùa, giun mang trùm, giun ống, các giun ít tơ ở ao, hồ... kèm theo tên là đặc điểm cấu tạo và lối sống của chúng.

Câu 2 : Trong số các đặc điểm chung của giun đốt thì đặc điểm cơ thể thuôn dài và phân đốt là đặc điểm quan trọng để nhận biết chúng ở ngoài thiên nhiên.

Câu 3 : Với vùng đất nông nghiệp, giun đất có vai trò thực tiễn lớn trong việc cải tạo đất trồng. Còn với vùng biển thì các loài giun đốt biển (như giun nhiều tơ, rộm, sa sùng...) có vai trò quan trọng, vì chúng là thức ăn của cá. Chính vì thế, ngư dân thường khai thác chúng làm mồi câu.

VII – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các tài liệu số : 3, 8, 16, 21 phần 1 SGV.